

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18-9-2020

V/v: “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Hoài Hiêm;

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 356/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn V, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp SL, xã ĐT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp XS, xã HT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, ông Nguyễn Tấn V trình bày:

Ông và bà B chung sống với nhau vào năm 1996, có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới ông và bà B sống chung cha mẹ ruột ông tại ấp SL, xã ĐT được một thời gian thì vợ chồng ra sống riêng. Thời gian chung sống vợ chồng, ông và bà B sống hạnh phúc đến năm 2016-2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bà B đi làm không lo cho gia đình. Ông và bà B hiện đã sống ly thân, từ khi ly thân vợ chồng không có ai thiện chí hàn gắn đoàn tụ. Nay ông nhận

thấy đời sống hôn nhân với bà B không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị B.

Thời gian chung sống vợ chồng, ông và bà B không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự bà Nguyễn Thị B, trình bày: Thừa nhận lời trình bày của ông Nguyễn Tấn V về thời gian chung sống vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Bà và ông Nguyễn Tấn V chung sống với nhau từ năm 1996 tại ấp SL, xã ĐT thời gian đầu hạnh phúc, đến thời gian sau này bà và ông V không được hạnh phúc. Nguyên nhân là do ông V không quan tâm vợ, không chăm lo cho đời sống kinh tế gia đình. Đến năm 2019, xảy ra mâu thuẫn trầm trọng nên bà về sống tại ấp Xóm Suối, xã Hưng Thuận, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh và cất nhà ở riêng cho đến nay. Nay bà đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Tấn V. Khi ly hôn, con chung không có, tài sản chung không có và nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng.

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 228, Điều 235, Điều 264 và Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Tấn V và bà Nguyễn Thị B là vợ chồng.

Về con chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có tranh chấp nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Tấn V phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Nguyễn Tấn V yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị B. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Bà Nguyễn Thị B vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Ông V và bà B chung sống với nhau vào năm 1996, có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới ông V và bà B sống chung cha mẹ ruột ông tại ấp SL, xã DT được một thời gian thì vợ chồng ra sống riêng. Thời gian chung sống vợ chồng, ông V và bà B sống hạnh phúc đến năm 2016-2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bà B đi làm không có cho gia đình. Ông V và bà B hiện đã sống ly thân, từ khi ly thân vợ chồng không có ai thiện chí hàn gắn đoàn tụ. Nay ông V nhận thấy đời sống hôn nhân với bà B không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên ông V yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị B.

Bà Nguyễn Thị B thừa nhận lời trình bày của ông Nguyễn Tấn V về thời gian chung sống vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Bà B và ông Nguyễn Tấn V chung sống với nhau từ năm 1996 tại ấp Sóc Lào, xã Đôn Thuận thời gian đầu hạnh phúc, đến thời gian sau này bà B và ông V không được hạnh phúc. Nguyên nhân là do ông V không quan tâm vợ, không chăm lo cho kinh tế gia đình. Đến năm 2019 xảy ra mâu thuẫn trầm trọng nên bà B về sống tại ấp Xóm Suối, xã Hưng Thuận, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh cất nhà ở riêng cho đến nay. Nay bà Nguyễn Thị B đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Tấn V.

Việc bà B và ông V chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử tuyên bố “Không công nhận quan hệ vợ chồng” giữa ông Nguyễn Tấn V và bà Nguyễn Thị B.

[3] Về con chung: Ông Nguyễn Tấn V và bà Nguyễn Thị B trình bày thống nhất ông bà không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Tấn V và bà Nguyễn Thị B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Tấn V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn.

[Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và các Điều 228, 235, 264 và Điều 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Tấn V và bà Nguyễn Thị B.

2. Về con chung: Ông V và bà B trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Tấn V phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Nhưng khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông V đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018345 ngày 06 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; ông V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho ông V được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bà B vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TX. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Lưu VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Tấn Đạt